

Bản án số: 21/2018/HSST

Ngày: 27/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đào Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Sự.

2. Bà Đàm Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/HSST - QĐ ngày 12/6/2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Đặng Việt L, sinh năm 1994; HKTT: thôn P, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; TĐVH: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đặng Văn Ng, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H, sinh năm 1973; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 06/2/2018 đến ngày 09/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại “có mặt”.

2. Đỗ Quốc H, sinh năm 1982; HKTT: đường Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; TĐHV: 6/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn.

Nhân thân: - Ngày 17/6/2010 bị Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đưa vào Trung tâm chữa bệnh – giáo dục – lao động xã hội tỉnh Hưng Yên.

- Ngày 08/3/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2018 tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

* *Người bị hại:* anh **Dương Văn T**, sinh năm 1970; Trú tại: thôn A, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.(có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. anh **Nguyễn Trường M**, sinh năm 1983; HKTT: tổ 10, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.(vắng mặt).

2. chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1981; KHTT: số 6/51 đường M, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.(vắng mặt).

3. chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990; HKTT: thôn Nội Mai, xã An Viên, Hện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

4. anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1989; HKTT: thôn Nội Mai, xã An Viên, Hện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 18/12/2017, Đặng Việt L điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Future màu xanh đen (mượn của Nguyễn Trường M, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Tổ 10, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái) trên khu vực cánh đồng thuộc thôn A, xã H, thành phố H thì nhìn thấy 02 con dê (01 con có lông màu nâu – vàng, 01 con có lông màu đen) đang được nhốt trong chuồng trại của nhà anh Dương Văn T, trú tại thôn A, xã H, thành phố H. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, L liền nảy sinh ý định bắt trộm dê để bán lấy tiền tiêu sài. L dựng xe máy trên đường rồi đi bộ vào trang trại nuôi dê của anh T, trên đường đi vào L nhặt và cầm theo 01 bao tải dứa màu vàng. Thấy chuồng dê chỉ cài then không khóa L liền mở chuồng dắt 01 con dê có lông màu nâu - vàng ra vị trí xe máy đã dựng trước đó, rồi cho con dê vào trong bao tải dứa, để lên khung xe máy rồi điều khiển xe máy đến nhà Đỗ Quốc H để bán dê cho H. H đồng ý mua con với giá 1.000.000 đồng. Do không có tiền nên H đã mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note2 của mình đi cầm cố để lấy tiền trả cho L. Sau khi bán được dê L đi đến phòng trọ tại địa chỉ số 96 Nguyễn Văn L, xã B, thành phố H của anh Nguyễn Trường M chơi. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày do lo sợ hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện L đã mượn điện thoại của anh Bùi Văn H, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú thôn N, xã Đ, Huyện P, tỉnh Hưng Yên để gọi điện nói cho H biết con dê mà L bán cho H là do L trộm cắp mà có và dặn H đừng nói với ai và tìm cách bán con dê đó đi. Sau khi biết con dê L bán là con dê trộm cắp mà có, H đã mang con dê bán cho chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Số 6/51 đường M, phường H, thành phố H với giá 1.300.000 đồng. Sau khi bán con dê cho chị O, H sử dụng số tiền 1.050.000 đồng để đi chuộc điện thoại, rồi đi đến phòng trọ của anh Minh chơi, tại đây H cho anh H1 100.000 đồng và cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Bản K, xã L, Huyện C, tỉnh Nghệ An (chị Thi tên thường gọi là Mai và là bạn gái của M đang ăn ở cùng M) 50.000 đồng,

còn lại 100.000 đồng H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được dê của H, sáng ngày 19/12/2017 chị O đã bán con dê cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã C, Hện D, tỉnh Hà Nam với giá 1.800.000 đồng. Sáng ngày 19/12/2017, anh Dương Văn T sau khi phát hiện bị mất con dê và được anh Dương Văn Th, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: thôn A, xã H, thành phố H đang phụ trách Ban chỉ H Quân sự xã Hoàng Hanh thông báo việc chị Nguyễn Thị Huế, sinh năm 1976, hộ khẩu thường trú: thôn A, xã H, thành phố H nghi L trộm cắp con dê. Anh T đã đi tìm L để lấy lại dê, L đã đưa anh T đến nhà chị O nhưng được chị O cho biết đã bán con dê cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã C, Hện D, tỉnh Hà Nam. Anh T đã đi tìm chị Lương, để chuộc lại con dê với số tiền 1.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Đỗ Quốc H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2 màu trắng – xám, màn hình cảm ứng, số IMEI: 355696/05/434192/6 trong điện thoại có lắp sim có số thuê bao: 01263342345 đã qua sử dụng.

Qua xác minh làm rõ, khi L mang dê đến bán vì không có tiền nên H phải mang chiếc điện thoại nêu trên đi cầm cố lấy tiền trả cho L, khi cầm cố điện thoại H rút lại sim về và mượn điện thoại của người bạn tên là Trâm Anh, sinh năm 1981 ở thị Trấn Ân Thi, tỉnh Hưng Yên và cho sim vào để sử dụng nhưng không nói cho Trâm Anh biết sự việc, sau đó đã trả lại chị Trâm Anh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có người tên Trâm Anh, có tên tuổi và địa chỉ như trên nên không lấy được lời khai của Trâm Anh.

- Thu giữ của anh Nguyễn Trường M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh – đen, số khung VBSPCH0021X18958, số máy ZS152FMH *01201858*, không đeo biển số đã qua sử dụng.

- Thu của chị Nguyễn Thị O 500.000 đồng (cho chị O tự giác giao nộp).

- Thu giữ của anh Dương Văn T 01 con dê cái có lông màu nâu – vàng, có trọng lượng 23,5 kg.

- Đối với chiếc bao tải chứa màu vàng L khai nhận được để đựng dê trộm cắp, sau khi mua con dê của L, H đã bỏ bao tải ra vứt ở sau nhà H. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên đã rà soát, truy tìm nhưng không thấy.

Tại Kết luận định giá tài sản và Biên bản định giá tài sản số 80/BB – HĐĐG ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên kết luận: 01 con dê cái có lông màu nâu – vàng, có trọng lượng 23,5 kg trị giá 3.055.000 đồng.

Quá trình điều tra xác minh nguồn gốc của chiếc xe máy trên thể hiện như sau:

- + Tại bản kết luận số khung, số máy của phòng PC 54 - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận hàng số khung, số máy của xe mô tô trên là nguyên thủy.

- + Tại Phòng PC 67 - Công an tỉnh Hưng Yên sau khi tra cứu số khung, số máy của chiếc xe kết luận: Không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm.

+Tại phòng PC 52 - Công an tỉnh Hưng Yên sau khi tra cứu số khung, số máy của chiếc xe kết luận: Không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng

+Tại Công ty Honda Việt Nam sau khi tra cứu số khung, số máy của chiếc xe kết luận: chiếc xe có số khung, số máy nêu trên không trùng khớp với dữ liệu do Honda Việt Nam quản lý, không phải do Honda Việt Nam sản xuất.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo L khai: Chiếc xe trên là của anh Vững (không biết tuổi, địa chỉ) cho anh Minh mượn để sử dụng. Ngày 18/12/2017, bị cáo L đã mượn chiếc xe trên của anh Minh để đi lại.

Anh Nguyễn Trường M khai: Chiếc xe trên của anh Vững, sinh năm: 1988 nhà ở Phố Giác – Hện Tiên Lữ Tiên Lữ - tỉnh Hưng Yên là bạn anh Minh để ở nhà trọ của anh Minh và giao cho anh Minh quản lý và sử dụng. Khi anh Minh cho bị cáo L mượn chiếc xe trên ngày 18/12/2017, anh Minh không biết bị cáo L sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Thời điểm anh Minh mượn xe của anh Vững thì xe máy có đeo biển kiểm soát nhưng không nhớ số bao nhiêu, sau đó anh Minh đã làm mất biển kiểm soát của xe (không rõ là mất ở đâu).

Anh Phạm Văn V khai: Trước thời điểm kết hôn, chị Bùi Thị T, sinh năm: 1990 là vợ của anh Vững, có 01 chiếc xe mô tô Future màu xanh – đen, do Trung Quốc sản xuất có đeo biển kiểm soát nhưng anh Vững không nhớ số bao nhiêu. Sau khi kết hôn anh Vững và vợ thường xuyên sử dụng chung chiếc xe mô tô trên để đi lại phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Vào tháng 12 năm 2017, anh Vững có cho anh Nguyễn Trường M mượn chiếc xe mô tô trên để sử dụng, sau đó anh Vững có đến gặp anh Minh xin lại nhưng anh Minh cho biết chiếc xe đã bị Công an TP. Hưng Yên tạm giữ do bị cáo L đã mượn chiếc xe trên của anh Minh để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Chị Bùi Thị T là vợ của anh Vững khai: Chiếc xe Future màu xanh - đen do Trung Quốc sản xuất, xe có đeo biển kiểm soát nhưng chị Tuyền không nhớ số bao nhiêu. Chị Tuyền mua xe này vào năm 2005 của 01 người buôn xe máy ở TP. Hồ Chí Minh đến nay chị Tuyền không nhớ tên, tuổi, địa chỉ của người bán xe cho mình, hiện chị Tuyền đã bị mất toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe. Vào tháng 12 năm 2017, chị Tuyền biết và đồng ý việc anh Vững cho anh Minh nhà ở TP Hưng Yên (anh Minh là bạn anh Vững) mượn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại.

Ngày 09/2/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên đã trao trả lại con dê cho anh Dương Văn T, anh T đã nhận lại con dê và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy H sử dụng để mang con dê đi bán, H khai là đó chiếc xe Wave do Trung Quốc sản xuất, H mua của người không rõ tên, tuổi địa chỉ với giá 1.000.000 đồng, sau khi dùng chiếc xe máy này chở con dê cho bán cho chị O, H đã bán cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 500.000 đồng nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với việc L bán con dê cho H 1.000.000 đồng, H bán lại con dê cho chị O được 1.300.000 đồng, chị O lại bán con dê cho chị Lương 1.800.000 đồng, anh T bỏ ra 1.800.000 đồng để trả cho chị Lương khi anh đi chuộc con dê về, sau đó L đã bỏ ra 1.800.000 đồng trả cho anh T. L tự nguyện cho và không yêu cầu H, chị O phải trả số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra thêm này. Chị O, chị Lương và anh T cũng không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với việc sau khi bán được dê H đã cho anh H1 100.000 đồng và cho chị Nguyễn Thị T 50.000 đồng. H tự nguyện cho và không yêu cầu anh H1, chị Thi phải trả số tiền này.

- Đối với việc chị Nguyễn Thị O, chị Nguyễn Thị L mua con dê nhưng các chị đều không biết con dê là tài sản do L trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xem xét để xử lý.

- Đối với việc anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị T (tức Mai) được H cho tiền từ số tiền bán con dê nhưng cả anh H1 và chị Thi đều không biết đó là số tiền phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xem xét để xử lý.

- Đối với việc anh Nguyễn Trường M cho L mượn xe máy, anh Minh không biết L dùng xe máy để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xem xét để xử lý.

- Đối với việc anh Bùi Văn H cho L mượn điện thoại để điện cho H thông báo là con dê L bán cho H là do L trộm cắp mà có. Anh H1 không biết việc L trộm cắp con dê và dùng điện thoại để thông báo cho H nên không có căn cứ xem xét để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 26/QĐ-VKS-HS ngày 31/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đặng Việt L về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Đỗ Quốc H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo L và H hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội; đồng ý với cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố về tội danh đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo theo bản cáo trạng, đồng thời đề nghị:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo L để xử phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 03 ngày đã tạm giữ 06/02/2018 đến 09/02/2018.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H để xử phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù, tính từ ngày tạm giam 20/3/2018.

Về vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Trả lại cho bị cáo Đỗ Quốc H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2 màu trắng – xám, màn hình cảm ứng, số IMEI: 355696/05/434192/6. Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim có số thuê bao: 01263342345 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đỗ Quốc H. Truy thu số tiền 800.000đ (trong đó 300.000 đồng là tiền thu lời từ việc bán con dê và 500.000 đồng do bán chiếc xe máy là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội) của bị cáo Đỗ Quốc H để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh - đen, số khung VBSPCH0021X18958, số máy ZS152FMH *01201858*, không đeo biển số đã qua sử dụng. Trả lại số tiền 500.000 đồng đã thu giữ cho chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1981. Trú tại số 6/51, đường Mậu Dương, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hưng Yên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục như ban hành các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và các điều luật áp dụng:

[2.1] Đối với hành vi của bị cáo Đặng Việt L: Lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như: lời khai của người bị hại anh Dương Văn T; lời khai của bị cáo H và những người làm chứng khác; bản kết luận định giá tài sản (BL 05); đồng thời phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 18/12/2017, tại trang trại của gia đình anh Dương Văn T ở cánh đồng thôn A, xã H, thành phố H, Đặng Việt L đã có hành vi trộm cắp 01 con Dê có lông màu nâu - vàng trị giá 3.055.000 đồng của anh Dương Văn T. Hành vi lợi dụng sở hữu của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo L đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[2.2] Đối với hành vi của bị cáo Đỗ Quốc H: Lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà như: lời khai của bị cáo H; lời khai của chị Nguyễn Thị O và những người làm chứng khác; phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ban đầu khi mua con Dê, H không biết việc con Dê do L trộm cắp mà có. Nhưng ngay sau đó, dù biết rõ con dê là do L trộm cắp mà có vì được L thông báo nhưng H vẫn mang con Dê bán cho chị Nguyễn Thị O với giá 1.300.000 đồng để lấy tiền chênh lệch tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo H đủ các yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2.3] Về điều luật áp dụng:

Thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực pháp luật. Xét thấy khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đều quy định mức hình phạt giống nhau. Còn khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có mức hình phạt nhẹ hơn khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đặng Việt L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Đỗ Quốc H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bức xúc và sự lo lắng cho người dân tại địa phương trong việc làm ăn, bảo vệ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu bản thân và vì lợi nhuận. Bị cáo L sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, sau đó đã bị bắt theo Quyết định truy nã. Đối với bị cáo H, trước đây năm 2010 vì nghiện ma túy nên đã từng bị Chủ tịch UBND thành phố Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đưa vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội tỉnh Hưng Yên; Năm 2011, bị Tòa án tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, HĐXX sẽ áp dụng mức hình phạt phù hợp để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L và H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả hai bị cáo L và H đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng; sau khi hành vi phạm tội bị cáo L tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh T nên bị cáo L được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh T và anh T không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2 màu trắng – xám, màn hình cảm ứng, số IMEI: 355696/05/434192/6 trong điện thoại có lắp sim có số thuê bao: 01263342345. Qua điều tra làm rõ, chiếc điện thoại nêu trên H đã cầm cố để lấy tiền mua con dê của L. Khi cầm cố H rút sim về và mượn điện thoại của một người bạn tên là Trâm Anh để nạp số thuê bao nêu trên để sử dụng và liên lạc với L, sau đó đã trả lại Trâm Anh. Trâm Anh không biết sự việc H mua con dê của L. Vì vậy, cần trả lại cho bị cáo H chiếc điện thoại nêu trên. Đối với 01 chiếc sim thuê bao 01263342345 đã thu giữ của H có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh - đen, số khung VBSPCH0021X18958, số máy ZS152FMH *01201858*, không đeo biển số đã qua sử dụng thu giữ của anh Nguyễn Trường M. Khi Minh cho bị cáo L mượn thì không biết việc L sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội. Nguồn gốc chiếc xe này là của chị Bùi Thị T (chồng là Phạm Văn V). Vào tháng 12/2017, anh Vững cho Minh mượn để làm phương tiện đi lại. Nay anh Vững và chị Tuyền có yêu cầu xin lại chiếc xe này để sử dụng nên trả lại chiếc xe này cho vợ chồng anh Vững và chị Tuyền.

Đối với số tiền 500.000 đồng, đây là số tiền lãi từ việc bán con dê chị O mua của chị bị cáo H, do chị Nguyễn Thị O tự giác giao nộp. Xét thấy việc mua bán giữa chị O và chị Lương là ngay thẳng, tự nguyện thỏa thuận, cả hai chị đều không biết đó là tài sản trộm cắp, không phải là tiền thu lời bất chính nên cần trả cho chị O.

Sau khi mua con dê do L trộm cắp mà có với giá 1.000.000đ, bị cáo H đã bán lại cho chị O với giá 1.300.000đ, qua đó thu lợi bất chính 300.000 đồng. Đối với chiếc xe máy Wave cũ do Trung Quốc sản xuất bị cáo H sử dụng để đi tìm nơi tiêu thụ và mang con Dê đến nhà chị O bán, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng sau đó bị cáo đã bán cho người không rõ tên, tuổi địa chỉ với số tiền là 500.000 đồng sau đó

đã chi tiêu hết. Như vậy, cần truy thu của bị cáo H tổng số tiền 800.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQO4.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Việt L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Đỗ Quốc H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đặng Việt L;

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Việt L** 06 (sáu) tháng tù (được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ 06/02/2018 đến 09/02/2018), tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[2] Áp dụng: khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Quốc H.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Quốc H** 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 20/3/2018.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Quốc H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2 màu trắng - xám, màn hình cảm ứng, số IMEI: 355696/05/434192/6.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim có số thuê bao: 01263342345 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đỗ Quốc H.

Truy thu số tiền 800.000đ của bị cáo Đỗ Quốc H để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990 và anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1989; Đều có HKTT: thôn Nội Mai, xã An Viên, Hện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh - đen, số khung VBSPCH0021X018958, số máy ZS152FMH *01201858*, không đeo biển số đã qua sử dụng.

- Trả lại số tiền 500.000 đồng đã thu giữ cho chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1981. Trú tại số 6/51, đường Mậu Dương, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

(Chi tiết, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Quyết định cHển vật chứng số 20/QĐ - VKS ngày 31/5/2018).

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQO4. Bị cáo Đặng Việt L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Đỗ Quốc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Bản án sơ thẩm, xét xử công khai có mặt bị cáo; người bị hại; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo, người bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự khác trong vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND TP.Hưng Yên;
- Phòng NV - KT, TAND tỉnh HY;
- Công an TP.Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP.Hưng Yên;
- Bị hại, các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thúy Hà

C, c hÉi thÈm nh©n d©n

ThÈm ph, n - chñ tãa phiªn tãa

Đàm Thị Thu Thủy Trần Hữu Sự

Đào Thúy Hà